

BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI TÍCH

trong bối cảnh hội nhập và phát triển

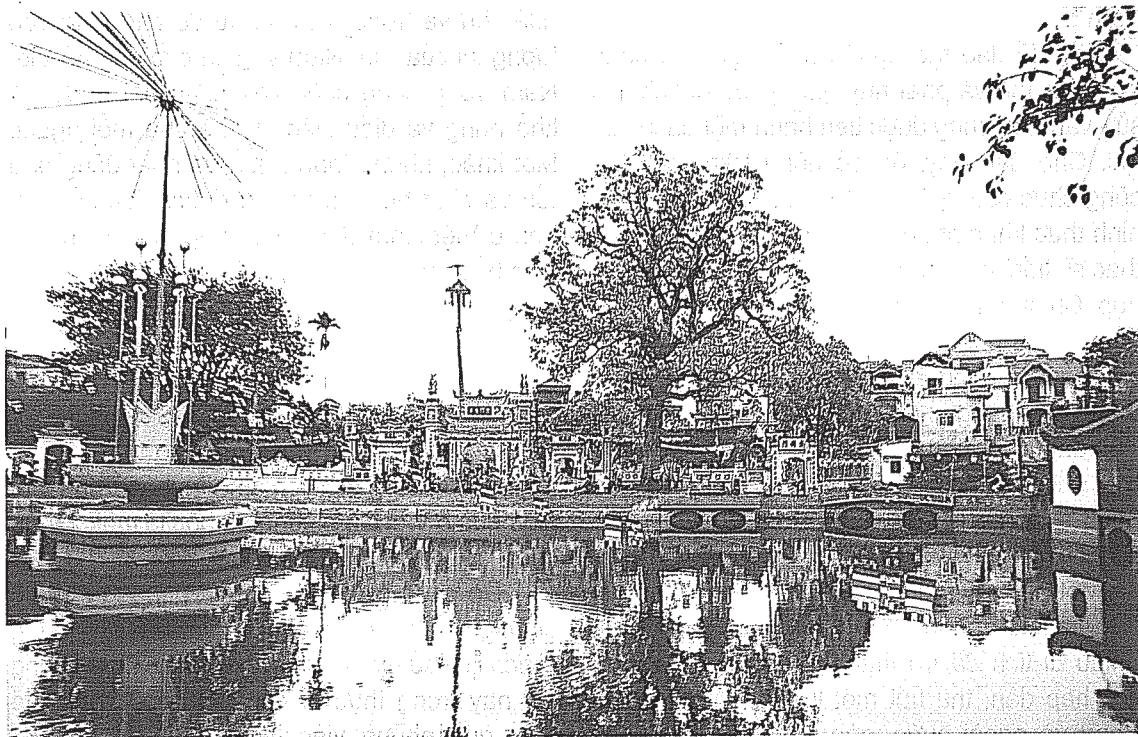
Ó thể nói, trong những năm gần đây, vấn đề hội nhập và phát triển ngày càng được các nước trên thế giới, trong đó có Việt Nam, đặc biệt quan tâm. Tuy nhiên, trong bối cảnh đó, bên cạnh những lợi ích về nhiều mặt, cũng có những vấn đề cần phải lưu tâm. Riêng trong lĩnh vực văn hóa, để giữ gìn được bản sắc văn hóa dân tộc trong quá trình giao lưu và hội nhập, điều đáng chú trọng là phải bảo tồn và phát huy tốt giá trị của các di sản văn hóa được lưu truyền lại từ nhiều thế hệ. Tuy nhiên, "di sản văn hóa" là một khái niệm rất rộng, do đó, trong khuôn khổ của bài viết này, tôi chỉ đề cập đến việc bảo tồn và phát huy giá trị của các di sản văn hóa vật thể¹, đó là các di tích lịch sử - văn hóa, mà theo quy định trong Điều 4, Khoản 3 của "Luật di sản văn hóa", khái niệm này được hiểu như sau: "Di tích lịch sử - văn hóa là công trình xây dựng, địa điểm và các di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc công trình, địa điểm đó có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học"².

1- Trước hết, có thể khẳng định rằng, đã từ lâu, các di tích lịch sử - văn hóa trên đất nước ta đều được coi là tài sản quý giá của cộng đồng các dân tộc, vì thế, vấn đề bảo tồn và phát huy giá trị của chúng đã được Đảng và nhà nước Việt Nam hết sức quan tâm. Bằng chứng là, trong từng giai đoạn lịch sử, nhà nước đã tạo những thuận lợi về mặt pháp lý, cơ chế, kinh

phí, đào tạo nguồn nhân lực... cho các hoạt động trên.

Về mặt pháp lý, nhà nước đã ban hành nhiều văn bản rất quan trọng, trong đó có phần nội dung đề cập đến việc bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa, như: Sắc lệnh số 65 do Chủ tịch Hồ Chí Minh ký ngày 23/11/1945, Nghị định số 519 - TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 29/10/1957, "Pháp lệnh bảo vệ và sử dụng di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh" số 14/LCT/HĐNN của Hội đồng nhà nước, ban hành ngày 04/4/1984. Đặc biệt, từ khi Việt Nam thực hiện công cuộc đổi mới, vấn đề này lại càng rõ nét hơn, với bằng chứng là việc đưa vấn đề bảo tồn các di tích lịch sử - văn hóa vào Nghị quyết Trung ương 4 (khóa VII) của Đảng cộng sản Việt Nam với nội dung như sau: "... xây dựng Luật bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa dân tộc... đầu tư, nâng cấp và chống xuống cấp các Bảo tàng, các di tích lịch sử - văn hóa...". Hay, trong Quyết định số 25/TTg do Thủ tướng chính phủ ban hành ngày 19/01/1993 đã qui định cả mức độ, tỉ lệ và nguồn kinh phí đầu tư cho công tác bảo tồn và phát huy giá trị của các di sản văn hóa nói chung, di tích lịch sử - văn hóa nói riêng. Đặc biệt, tháng 2/1994, Thủ tướng chính phủ đã ra quyết định số 62/TTg cho phép Bộ Văn hóa - Thông tin triển khai việc thực hiện 03 chương

TS. TRỊNH THỊ HÒA



Chùa Triệu Khúc (Hà Nội) trong ngày hội - Ảnh: Quốc Vũ

trình mục tiêu cấp quốc gia, trong đó có "chương trình chống xuống cấp và tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa".

Trong thời kỳ hội nhập và phát triển, một biểu hiện cụ thể minh chứng cho vấn đề trên là "sự ra đời" của *Luật di sản văn hóa* (DSVH) có hiệu lực từ tháng 1/2002. Và, để cụ thể hóa việc thi hành những điều luật quan trọng trong Luật DSVH, trong năm 2002, Chính phủ đã ban hành "Nghị định số 92/2002/NĐ-CP qui định chi tiết thi hành một số điều của Luật DSVH", "Nghị định số 86/2005/NĐ-CP về việc quản lý và bảo vệ di sản văn hóa dưới nước" và "Chỉ thị số 05/2002/CT-TTg về tăng cường các biện pháp quản lý, bảo vệ cổ vật trong di tích và ngăn chặn đào bới, trục vớt trái phép di chỉ khảo cổ học", tạo thêm cơ sở pháp lý cho các cơ quan có trách nhiệm trong việc bảo tồn và phát huy các DSVH nói chung, di tích lịch sử - văn hóa nói riêng. Sau đó, "để phát huy truyền thống và ý thức trách nhiệm của những người làm công tác bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa Việt Nam, động viên các tầng lớp xã hội tham gia tích cực vào sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc"³, ngày 24/2/2005, Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định lấy ngày

23/11 hàng năm là "Ngày Di sản văn hóa Việt Nam".

Ngoài việc ban hành các văn bản pháp luật trên, Bộ Văn hóa- Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) đã nghiên cứu, soạn thảo một số văn bản dưới luật khác, như: "Quy chế bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh"; "Thông tư hướng dẫn trình tự, thủ tục đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia"...

Cùng đó, Nhà nước cũng đã rất quan tâm đến việc đầu tư kinh phí cho công tác tu bổ, chống xuống cấp di tích: "Từ năm 1994 đến năm 2003, thông qua chương trình mục tiêu chống xuống cấp và tôn tạo di tích, nhà nước đã đầu tư số kinh phí hàng năm nhiều hơn nhằm hỗ trợ chống xuống cấp và tôn tạo di tích, thắng cảnh trên cả nước với số kinh phí 318.850 tỷ cho 1.575 di tích"⁴. Và, "Theo con số thống kê chưa đầy đủ của chuyên viên Vụ Kế hoạch - Tài chính, Bộ VHTT qua các báo cáo do các địa phương gửi đến, từ năm 1994 đến năm 2001, ngân sách Trung ương đầu tư cho việc chống xuống cấp và tôn tạo di tích thông qua chương trình là 26.718 tỷ đồng Việt Nam; ngân sách địa phương: 360.170 tỉ đồng Việt

Nam⁵.

Vấn đề đào tạo nguồn nhân lực cho công việc bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa cũng được tiến hành một cách liên tục. Cho đến nay, đã có hàng trăm cán bộ, công chức của ngành được đào tạo dưới nhiều hình thức khác nhau để trở thành các cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ... theo những chuyên ngành phù hợp. Chính nhờ vậy, các hoạt động nghiên cứu, bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa đã được thực hiện và đạt được những thành quả đáng ghi nhận, trong đó phải kể đến việc đầu tư nghiên cứu, lập hồ sơ khoa học cho 5 di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, hơn 3006 di tích quốc gia và hơn 5000 di tích cấp tỉnh.

Một điều đáng lưu ý nữa là, trong số các di tích lịch sử - văn hóa đã được xếp hạng, có rất nhiều di tích đã trở thành những địa điểm du lịch hấp dẫn, thu hút một lượng lớn du khách trong và ngoài nước, góp phần tạo ra lợi ích kinh tế cho nhà nước cũng như địa phương. Chẳng hạn, "Di tích Cố đô Huế thu từ bán vé mỗi năm trên 40 tỷ đồng; Đền Ngọc Sơn, Văn Miếu- Quốc Tử Giám- Hà Nội, Di tích Cố đô Hoa Lư, Côn Sơn- Kiếp Bạc đã thu được 3 đến 4 tỷ đồng năm..."⁶. Mặt khác, sự tồn tại của các di tích lịch sử - văn hóa và các hoạt động đa dạng nơi đây đã và đang tạo "công ăn, việc làm" cho biết bao nhiêu người của các ngành hữu quan như: Văn hóa, Du lịch, Hàng không, Giao thông vận tải... thông qua các hoạt động phục vụ cho việc khai thác giá trị của các di tích. Những bằng chứng trên chứng minh cho lợi ích mang tính xã hội đã có được từ các di tích lịch sử - văn hóa ở Việt Nam.

Việc bảo tồn các di tích lịch sử - văn hóa ở Việt Nam cũng đã có những đóng góp đáng kể trong công tác tuyên truyền, giáo dục truyền thống và phổ biến tri thức khoa học cho quảng đại công chúng trong nước, bởi các di tích chính là những chứng tích còn lưu lại làm cơ sở để mọi người hiểu sâu sắc hơn về tổ tiên, về cội nguồn, qua đó giúp họ có ý thức coi trọng những giá trị truyền thống cũng như bản sắc văn hóa dân tộc, đồng thời, ý thức được trách nhiệm của mình đối với quê hương, đất nước. Đối với khách tham quan nước ngoài, các di tích là những bằng chứng đáng tin cậy để họ hiểu về đất nước và con người Việt Nam trong

quá khứ và trong hiện tại, từ đó tin tưởng vào tương lai của Việt Nam và tích cực ủng hộ Việt Nam trong công cuộc xây dựng đất nước với khả năng và điều kiện cụ thể của mỗi người. Mặt khác, những thành quả do hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa ở Việt Nam đạt được cũng góp phần vào việc bảo tồn và phát huy giá trị các DSVH của thế giới, bởi theo quan điểm của UNESCO, các DSVH tuy đại diện cho các nền văn hóa khác nhau nhưng đều là một bộ phận DSVH của nhân loại.

2- Thực tiễn của công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa trong thời gian qua ở Việt Nam cũng đã bộc lộ một số hạn chế:

- Do chưa có một chiến lược mang tầm cõi quốc gia về công tác bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa nên việc thực hiện công tác này trong thực tế còn nhiều bất cập, thể hiện qua những việc làm còn thiếu tính kế hoạch, thậm chí đôi lúc còn tùy tiện, manh mún; việc bảo quản và tu bổ di tích nhiều khi chỉ mang tính "chữa cháy"; việc triển khai công việc giữa Trung ương và địa phương chưa thật đồng bộ...

- Có tình trạng khá phổ biến là chính quyền các cấp chưa thực sự quan tâm tới việc thực thi trách nhiệm của mình được quy định khá cụ thể trong Pháp lệnh trước đây và hiện tại là Luật di sản văn hóa. Có lẽ vì thế mà đến nay, nhiều nơi vẫn chưa xây dựng quy hoạch về việc bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa ở địa phương mình. Và, cũng do chưa có nhận thức đúng về trách nhiệm được giao nên ở nhiều địa phương còn có hiện tượng tranh giành nhau quyền quản lý các di tích có nguồn thu lớn, dẫn đến việc "thương mại hóa" các hoạt động của di tích nên dù không muốn, vẫn gây ra những hậu quả thật đáng tiếc...

- Việc nghiên cứu, bảo tồn và khai thác giá trị của các di tích lịch sử - văn hóa có lúc, có nơi chưa được coi trọng. Chính vì vậy, việc đầu tư kinh phí cho các hoạt động này chưa thỏa đáng, thậm chí, có trường hợp, khi có nguồn vốn do Trung ương đầu tư lại được lãnh đạo địa phương đem chi cho các công việc khác. Vì vậy, tình trạng các di tích bị "xuống cấp" vẫn chậm được khắc phục, trong số đó có những di tích bị hư hại ở mức độ nghiêm trọng.

- Nguồn nhân sự làm công tác chuyên môn còn thiếu, trình độ và năng lực không đồng đều nên làm ảnh hưởng đến chất lượng và hiệu quả của việc bảo tồn cũng như phát huy giá trị các di tích trên phạm vi cả nước.

- Việc mất trộm cổ vật tại các di tích vẫn còn diễn ra khá phổ biến; việc đào bới, trực vớt trái phép cổ vật ở trong lòng đất cũng như dưới nước vẫn gia tăng; hiện tượng mua bán cổ vật trái với quy định của luật pháp hiện hành vẫn tồn tại... Thực trạng đó vừa dẫn đến việc làm thất thoát các di sản văn hóa dân tộc, vừa làm giảm giá trị của di tích.

- Mặc dù cho đến nay, ở Việt Nam có hơn 7000 di tích đã được xếp hạng cấp quốc gia và cấp tỉnh, song, so với trên 40.000 di tích đã được kiểm kê, thì con số đó còn quá "khâm tốn", điều đó đồng nghĩa với việc các di tích chưa được xếp hạng sẽ tiếp tục bị mai một và trong số đó, rất có thể có những di tích sẽ "biến mất" theo thời gian...

3- Từ thực tế trên, có thể thấy, trong bối cảnh hội nhập và phát triển như hiện nay, khi mà các DSVH nói chung, các di tích lịch sử - văn hóa nói riêng, có vai trò quan trọng trong việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, thì vấn đề bảo tồn và phát huy giá trị của chúng càng trở nên cấp bách. Tuy nhiên, để thực hiện công việc trên một cách có hiệu quả, theo suy nghĩ của chúng tôi, một số giải pháp sau đây rất nên được lưu tâm:

3.1- Khẩn trương xây dựng chiến lược mang tầm cõi quốc gia về công tác bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa thông qua việc xây dựng quy hoạch tổng thể bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử- văn hóa trên phạm vi cả nước. Theo đó, các địa phương cũng sẽ xây dựng quy hoạch tổng thể bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử- văn hóa trong phạm vi địa phương mình. Đặc biệt, việc quy hoạch trên cần được cụ thể hóa bằng các chủ trương, phương hướng, kế hoạch cho từng giai đoạn, bởi có như vậy mới có sự chủ động trong quá trình thực hiện. Cùng đó, việc bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử- văn hóa cần được đặt trong mối quan hệ hữu cơ với các DSVH phi vật thể có liên quan cũng như với môi trường sinh thái- nhân văn của các di tích đó. Và, để có cơ sở khoa học và thực tiễn cho công việc này, cần có sự nghiên cứu và tổng kết hoạt

động trong lĩnh vực bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử- văn hóa ở Việt Nam trong những thập kỷ qua để rút kinh nghiệm cho thời gian tới.

3.2- Quán triệt đến các cấp lãnh đạo và các cơ quan chức năng của Trung ương cũng như của địa phương về vai trò và trách nhiệm của họ trong việc bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa, bởi nhận thức đúng của các cấp lãnh đạo và các cơ quan chức năng sẽ có tác động tốt cho việc xây dựng và thực thi các cơ chế, chính sách, việc đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục cộng đồng trong hoạt động trên. Bên cạnh đó, nên tiến hành tuyên truyền sâu rộng hơn nữa để các cấp, các ngành và các tầng lớp nhân dân thấy rõ việc gìn giữ, bảo tồn, kế thừa và phát huy các di tích lịch sử- văn hóa là việc làm vô cùng cấp bách, đặc biệt là để người dân hiểu được chính họ là chủ nhân của những di sản đó để có ý thức trách nhiệm và chủ động tham gia đóng góp cho sự nghiệp cao cả này.

3.3- Chủ động xây dựng quy chế phân cấp quản lý cũng như đầu tư cho việc bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa, trong đó nên ưu tiên tập trung đầu tư cho các di tích quan trọng nhưng đang có nguy cơ bị mai một hoặc xuống cấp, nhất là ở những nơi mà việc chỉnh trang đô thị và quá trình đô thị hóa đang diễn ra nhanh chóng.

3.4- Tăng cường việc bảo vệ và quản lý các di tích lịch sử - văn hóa cùng các hiện vật có trong các di tích. Bên cạnh đó, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan quản lý với các cơ quan hữu quan trong việc kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật trong việc gìn giữ và phát huy giá trị các DSVH nói chung, các di tích lịch sử- văn hóa nói riêng.

3.5- Cục Di sản văn hóa nên chỉ đạo các địa phương khẩn trương tổ chức nghiên cứu, lập hồ sơ di tích để trình các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét xếp hạng di tích vì nếu công việc trên tiến hành chậm thì các di tích có giá trị bị "xuống cấp" là không tránh khỏi. Mặt khác, cần đẩy mạnh việc nghiên cứu khoa học đối với các di tích đã được xếp hạng để có thể "tư liệu hóa" về các di tích nhằm phục vụ cho việc khai thác, sử dụng chúng.

3.6- Tiến hành nghiên cứu và cụ thể hóa

chủ trương xã hội hóa hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa thông qua việc tạo điều kiện thuận lợi cho mọi đối tượng công chúng (nhất là ở địa phương có di tích) được tham gia các hoạt động liên quan đến di tích như: Tham quan di tích; tham gia các tổ/ban hoặc hội bảo vệ di tích; tham gia hướng dẫn tham quan di tích với tư cách là nhân chứng; tham gia các lễ hội hoặc lễ kỷ niệm những sự kiện quan trọng liên quan đến di tích; tham gia đóng góp tiền của, công sức cho việc bảo quản, tu bổ, phục hồi và tôn tạo di tích... Điều quan trọng là làm sao để các di tích lịch sử - văn hóa trở thành những trung tâm sinh hoạt văn hóa cộng đồng. Có như vậy, giá trị của di tích mới thực sự được phát huy trong cuộc sống hiện tại.

3.7- Chủ động huy động mọi nguồn vốn có thể để đầu tư cho việc bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa. Có một điều cần tránh là không nên chỉ quan tâm đầu tư cho những di tích đem lại nguồn thu lớn cho ngân sách bởi, giá trị của các di tích là vô cùng to lớn, không thể tính bằng vật chất, đó là những giá trị truyền thống tốt đẹp đã được tạo ra qua nhiều thế hệ mà chính nhờ những giá trị vô giá đó, chúng ta mới có ngày hôm nay.

3.8- Xây dựng và sớm triển khai chiến lược tiếp thị đối với các đối tượng công chúng khác nhau, trong đó có du khách nước ngoài, để họ biết về các di tích lịch sử - văn hóa ở Việt Nam, nhất là các di tích đã được UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới, nhằm thu hút công chúng đến với di tích càng ngày càng nhiều hơn.

3.9- Cần quan tâm đầu tư cho công tác đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ về mọi mặt: chuyên môn, ngoại ngữ, quản lý, đạo đức nghề nghiệp,... đặc biệt là kỹ năng thực hành, cho những người trực tiếp làm nhiệm vụ bảo tồn và phát huy giá trị di tích, bởi nếu không có trình độ thì họ rất dễ "phạm tội" phá hoại di tích, dù cho vô thức hoặc hữu thức. Trong bối cảnh hội nhập và phát triển như hiện nay, vấn đề trên lại càng cần thiết hơn bao giờ hết vì nếu không có trình độ, làm sao những người làm công tác này có thể tiếp thu những tri thức và những công nghệ mới được chuyển giao từ đồng nghiệp trong nước cũng như nước ngoài. Và, để tạo điều kiện thuận lợi cho công việc này, các địa

phương nên được đầu tư xây dựng một "phòng thí nghiệm bảo quản" và một "xưởng phục chế" vì có như vậy, những người làm công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di tích mới có đủ cơ sở khoa học và pháp lý để thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, góp phần gìn giữ các DSVH nói chung, di tích lịch sử - văn hóa nói riêng cho đất nước.

3.10- Ngoài việc huy động nội lực, Việt Nam rất cần mở rộng quan hệ hợp tác, giao lưu với các nước trên thế giới cũng như khu vực ASEAN để có thể tiếp thu được những kinh nghiệm bổ ích và tiếp nhận sự chuyển giao công nghệ trong hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa./.

T.T.H

Chú thích và tài liệu tham khảo

- 1- "DSVH vật thể là sản phẩm vật chất có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, bao gồm di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia" (Quy định tại Điều 4 của Luật di sản văn hóa).
- 2- "Di vật là hiện vật được lưu truyền lại, có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học"; "Cổ vật là hiện vật được lưu truyền lại, có giá trị tiêu biểu về lịch sử, văn hóa, khoa học và có từ một trăm năm tuổi trở lên"; "Bảo vật quốc gia là hiện vật được lưu truyền lại, có giá trị đặc biệt quý hiếm tiêu biểu của đất nước về lịch sử, văn hóa, khoa học" (Quy định tại Điều 4 của Luật di sản văn hóa).
- 3- Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về Ngày di sản văn hóa Việt Nam, Quyết định số 36/2005/QĐ-TTg, ngày 24/2/2005, trang 1.
- 4- Nguyễn Quốc Hùng, "Hiệu quả của việc thực hiện mục tiêu chống xuống cấp và tôn tạo di tích (từ năm 1997 đến nay)", Kỷ yếu Hội thảo khoa học "Vấn đề bảo tồn và phát huy DSVH với sự nghiệp đổi mới đất nước" do Ủy ban Văn hóa Giáo dục thanh niên-thiếu niên và nhi đồng tổ chức. Hà Nội- 2003, trang 151.
- 5- Nguyễn Quốc Hùng, "Hiệu quả của việc thực hiện mục tiêu chống xuống cấp và tôn tạo di tích (từ năm 1997 đến nay)", Kỷ yếu Hội thảo khoa học "Vấn đề bảo tồn và phát huy DSVH với sự nghiệp đổi mới đất nước" do Ủy ban Văn hóa Giáo dục thanh niên-thiếu niên và nhi đồng tổ chức. Hà Nội- 2003, trang 157.
- 6- Báo cáo tổng kết 5 năm thi hành Luật di sản văn hóa, Cục DSVH, 2007, trang 6.
- 7- Luật di sản văn hóa và văn bản hướng thi hành, Nxb. Chính trị quốc gia, H. 2003, trang 13.